

Số: 85/BC-HĐND

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Thẩm tra về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Qua xem xét Tờ trình số 691/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công.

Ban Kinh tế - ngân sách trình Hội đồng nhân dân tỉnh ý kiến như sau:

1. Thống nhất quyết định chủ trương đầu tư 01 chương trình và 06 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư 948.450 triệu đồng từ nguồn vốn ngân sách tỉnh là 666.597 triệu đồng, ngân sách huyện là 254.429 triệu đồng và

nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 27.424 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 01 đính kèm)

2. Thống nhất Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B và dự án trọng điểm nhóm C sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 với tổng mức đầu tư là 48.401 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 38.670 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện là 9.731 triệu đồng.

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 02 đính kèm)

3. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư 04 dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công được phê duyệt tại Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B thành dự án nhóm A và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công với tổng mức đầu tư là 722.975 triệu đồng, trong đó vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương là 362.213 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh là 235.643 triệu đồng, vốn đầu tư công nguồn ngân sách huyện là 125.119 triệu đồng

(Danh mục chi tiết theo Phụ lục số 03 đính kèm)

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát đảm bảo tính chính xác các số liệu, hồ sơ theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

4. Nội dung dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Việc xem xét, ban hành Nghị quyết quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án trọng điểm nhóm C thành dự án nhóm B và điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm B sử dụng vốn đầu tư công thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ban Kinh tế - ngân sách kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. /.

Nơi nhận:

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-Huy.



**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Duy Toàn

PHỤ LỤC 01

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH VÀ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Báo cáo số: 85/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh An Giang)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện	
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
TỔNG CỘNG							948.450	0	666.597	254.429	27.424	601.120	57.285	109.544	180.501		
A CHƯƠNG TRÌNH							246.876	0	178.480	40.972	27.424	177.558	22.897	0	46.421		
1	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các điểm trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025	Tại các điểm trường trên địa bàn tỉnh An Giang.	Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh An Giang	- Nhà vệ sinh học sinh: Đầu tư mới 2.475 xí; cải tạo 1.562 xí; - Nhà vệ sinh cán bộ, giáo viên và nhân viên: Đầu tư mới 331 xí; cải tạo 281 xí; - Công trình nước sạch: Đầu tư mới 514 công trình; cải tạo 26 công trình.	Chương trình đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà vệ sinh và công trình nước sạch cho các trường trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu nhằm đảm bảo sức khỏe và nhu cầu sử dụng cho học sinh, cán bộ, giáo viên, nhân viên các trường học trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo của tỉnh.	246.876		178.480	40.972	27.424	177.558	22.897		46.421	2023-2026	04 năm	
B DỰ ÁN NHÓM B							701.574	0	488.117	213.457	0	423.562	34.388	109.544	134.080		
I GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ							122.747	0	107.620	15.127	0	62.579	34.388	0	25.780		
1	Trường mầm non Phú Mỹ	Phú Tân	BQLDA ĐTXD Khu vực huyện Phú Tân	Xây mới: 20 phòng học, phòng chức năng, công trình phụ trợ, HTKT Cải tạo: 04 phòng học thành phòng chức năng Trang thiết bị	Việc cải tạo và xây dựng mới các hạng mục sẽ giải quyết nhu cầu về cơ sở vật chất cần thiết cho trường mầm non Phú Mỹ, thực hiện mục tiêu xây dựng trường mầm non Phú Mỹ đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất mức độ 2, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của trường, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của thị trấn Phú Mỹ nói riêng và huyện Phú Tân nói chung.	69.752		54.625	15.127		47.475	7.150		15.127	2023-2026	04 năm	
2	Cải tạo, xây dựng mới một số hạng mục thuộc Trường Cao đẳng y tế An Giang	Long Xuyên	Ban QLDA ĐTXD Khu vực PTĐT An Giang	Xây mới khối 12 phòng thực hành và thiết bị; Cải vấn phòng khoa-khối phòng học thực hành, khối thư viện-khối phòng học-thực hành	Xây dựng Trường Cao đẳng y tế An Giang trở thành chất lượng cao, đào tạo cán bộ y tế có đủ kiến thức phát triển năng lực thực hành, chính trị chuyên môn, đồng thời phát triển kỹ năng tay nghề nhằm phục vụ cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân	52.995		52.995			15.104	27.238		10.653	2022-2025	04 năm	
II CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ							578.827	0	380.497	198.330	0	360.983	0	109.544	108.300		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thủy lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
II.1	GIAO THÔNG					489.114	0	290.784	198.330	0	340.464	0	50.125	98.525		
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào Khu di tích đặc biệt Ốc Eo – Ba Thê thuộc Đường tỉnh 943 (đoạn từ cầu Thoại Giang đến cầu Mướp Ván)	Thoại Sơn	Ban QLDA ĐTXD CTGT&NN	15,00km, mặt đường 8m, nền đường 9m	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch và kinh tế xã hội, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ giữa các địa phương	104.000		104.000			73.630		12.000	18.370	2022-2025	04 năm
2	Nâng cấp tuyến đường Nam Cẩn Tháo (từ Quốc lộ 91 đến rừng tràm Trà Sư, huyện Tịnh Biên)	Châu Phú	Ban QLDA ĐTXD khu vực huyện Châu Phú	20,60 km. Bao gồm: 05 cầu, 07 cống (kết cấu BTCT) và hệ thống an toàn giao thông, biển báo hiệu	Đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển trên tuyến, từng bước hoàn chỉnh hệ thống đường giao thông cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, phát triển đô thị theo quy hoạch của huyện Châu Phú, kết nối mạng lưới giao thông giữa trung tâm hành chính huyện với các xã, thị trấn trong huyện và vùng lân cận, từng bước nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực	240.919		117.214	123.705		167.448		25.289	48.182	2023-2026	04 năm
3	Nâng cấp, mở rộng đường Bờ Đông liên xã	An Phú	Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng khu vực huyện An Phú	14,43km	Nhằm đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa, nông sản ngày càng cao của người dân trong khu vực, cũng như tạo sự kết nối đồng bộ trên tuyến	144.195		69.570	74.625		99.386		12.836	31.973	2023-2026	4 năm
II.2	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					89.713	0	89.713	0	0	20.519	0	59.419	9.775		
1	Tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung tỉnh An Giang	Long Xuyên	BQLDA ĐTXD & KVPTĐT tỉnh	Tạo quỹ đất khoảng 5,9ha; Đầu tư hạ tầng: san lấp mặt bằng, hàng rào	Thực hiện tạo quỹ đất và đầu tư hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung nhằm đảm bảo có mặt bằng sạch, tạo điều kiện thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ thông tin vào tỉnh, từ đó tạo việc làm, mời gọi nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh An Giang.	89.713		89.713			20.519		59.419	9.775	2021-2023	03 năm

PHỤ LỤC 02

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM NHÓM C THÀNH DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Báo cáo số: 85/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh An Giang)

ĐVT: Triệu đồng



STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Ngày quyết định của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt										Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư															
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí						Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)	Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến				Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)	Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31		
TỔNG CỘNG							39.823	0	30.579	9.244	0	30.579	0	9.244	0							48.401	0	38.670	9.731	0	38.670	1.492	1.350	6.889		
I THỂ DỤC, THỂ THAO							39.823	0	30.579	9.244	0	30.579	0	9.244	0							48.401	0	38.670	9.731	0	38.670	1.492	1.350	6.889		
1	Nhà thi đấu huyện Tri Tôn	Tri Tôn	UBND huyện Tri Tôn	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND 08/12/2020	Diện tích đất 10.300m ²	Nhằm tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất cho các vận động viên có sân tập để thường xuyên tập luyện, giao lưu các môn thể thao giữa các vận động viên trên địa bàn huyện Tri Tôn và các khu vực lân cận, qua đó tuyển chọn các vận động viên có năng khiếu về thể dục thể thao để đào tạo sâu về chuyên môn trở thành vận động viên tiêu biểu tham gia thi đấu thể thao thành tích cao, đồng thời là nơi tổ chức thi đấu thể dục thể thao của huyện Tri Tôn nói riêng và toàn tỉnh nói chung.	39.823		30.579	9.244		30.579			9.244		2017-2020	03 năm	Diện tích đất 10.300m ²		48.401		38.670	9.731		38.670	1.492	1.350	6.889	2019 - 2022	4 năm	

PHỤ LỤC 03

ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

(Đính kèm Báo cáo số: 85/BC-HĐND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - ngân sách HĐND tỉnh An Giang)

DVT: Triệu đồng



STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt											Nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư													
							Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn dự kiến	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư					Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)			
																													Chi phí xây dựng		
TỔNG CỘNG								657.762	0	573.204	84.558	0	153.580	24.983	8.535	53.787			722.975	362.213	235.643	125.119	0	467.728	25.392	87.388	142.467				
I GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP								61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715			61.417	0	61.417	0	0	33.941	8.226	8.535	10.715				
1	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	Châu Thành	Ban QLDA ĐTXD và KVPT ĐT tỉnh	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND 22/7/2021	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HTHT, HCQT; Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417			33.941	8.226	8.535	10.715	2021-2024	04 năm	Xây mới: 06PH, khối phòng BM, HTHT, HCQT; Cải tạo: 30PH, 06 PHBM, HTKT	Xây dựng mới và cải tạo các phòng học đạt chuẩn, tạo điều kiện cho các em học sinh, giáo viên có môi trường học tập và làm việc tốt hơn, đáp ứng nhu cầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo lộ trình huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương.	61.417		61.417				33.941	8.226	8.535	10.715	2023-2026	04 năm
II CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								596.345	0	511.787	84.558	0	119.639	16.757	0	43.072			661.558	362.213	174.226	125.119	0	433.787	17.166	78.853	131.752				
II.1 GIAO THÔNG								416.877	0	375.391	41.486	0	0	0	0	0			482.090	362.213	54.587	65.290	0	314.148	409	78.853	88.680				
1	Đường đê kênh Hòa Bình	Châu Đốc	UBND TP Châu Đốc	NQ số 11/NQ-HĐND 10/7/2020	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		78.391	41.486						2020-2024	04 năm	1.220m	Kết nối giao thông suốt tuyến trong khu vực, nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân được thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.	119.877		54.587	65.290			77.982	409	20.000	21.486	2021-2024	04 năm
2	Tuyến tránh đường tỉnh 951 (đoạn từ Km8+550 đến Km15+950)	Phủ Tân	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện Phú Tân	NQ số 11/NQ-HĐND 10/7/2020	Chiều dài tuyến 6km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	297.000		297.000							2021-2024	04 năm	Chiều dài tuyến 9km (bao gồm cả cầu)	Đáp ứng nhu cầu lưu thông hiện tại của nhân dân trong khu vực do tuyến đường hiện hữu đã xuống cấp, giảm tải cho Đường tỉnh 954.	362.213	362.213				236.166	58.853	67.194	2023-2026	04 năm		

STT	Lĩnh vực/danh mục dự án	Địa điểm	Chủ đầu tư	Chủ trương đầu tư đã được phê duyệt														Nội dung để xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư												
				Nghị quyết HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện trong giai đoạn	Tiến độ thực hiện dự kiến	Quy mô đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn đầu tư				Cơ cấu chi phí				Thời gian thực hiện	Tiến độ thực hiện
								Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)						Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Vốn khác (Vốn 135, miễn thuế lệ phí, vốn DN, vốn vay,...)	Chi phí xây dựng	Chi phí thiết bị	Chi phí bồi hoàn	Chi phí khác (kể cả dự phòng)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
II.2	DU LỊCH						179.468	0	136.396	43.072	0	119.639	16.757	0	43.072					179.468	0	119.639	59.829	0	119.639	16.757	0	43.072		
1	Trung tâm hội nghị thành phố Châu Đốc	Châu Đốc	Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng khu vực thành phố Châu Đốc	NQ số 11/NQ-HĐND 10/7/2020	5.500m ²	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		136.396	43.072		119.639	16.757		43.072	2021-2024	4 năm	5.500m ²	Nhằm đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất phục vụ cho các đối tượng công vụ Nhà nước về công tác tại địa bàn thành phố Châu Đốc; đồng thời phục vụ các dịch vụ du lịch đô thị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện.	179.468		119.639	59.829		119.639	16.757		43.072	2023-2026	04 năm